



VNU Journal of Science: Legal Studies

Journal homepage: <https://js.vnu.edu.vn/LS>



Original Article

Improving the Economic Legal Framework for Autonomy of Public Universities in Vietnam: Perspectives, Strategic Orientations, and Policy Solutions

Nguyen Van Cu*

Ministry of Education and Training, 35 Dai Co Viet, Hai Ba Trung, Hanoi, Vietnam

Received 29th April 2025

Revised 10th May 2025; Accepted 25th June 2025

Abstract: University autonomy has become an inevitable trend in the reform of higher education in Vietnam, with financial autonomy playing a crucial role in determining the operational effectiveness and sustainable development of public universities. This article focuses on analyzing key theoretical perspectives on economic autonomy in higher education, emphasizing the essential relationship between autonomy, accountability, and financial transparency. Employing an integrated methodological approach, including policy analysis, legal document review, and case studies of selected public universities, the article identifies existing limitations and shortcomings in the current legal framework governing financial autonomy. Based on this analysis, it proposes strategic directions to expand financial self-governance in higher education institutions. Specifically, it advocates for the delegation of authority to manage and utilize institutional assets, coupled with the establishment of appropriate supervisory mechanisms to ensure the effective and responsible use of public resources. Accordingly, the article presents critical recommendations for developing and improving the legal framework on university autonomy, including amendments to the Law on Higher Education, the establishment of mechanisms to mobilize and allocate financial resources, and enhancements to financial oversight systems in the context of institutional autonomy. These proposals aim to promote a more substantive, effective, and equitable implementation of university autonomy in Vietnam.

Keywords: University autonomy, economic law, financial autonomy, public university, Vietnam.

* Corresponding author.

E-mail address: nvcu@moet.gov.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4768>

Quan điểm, định hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật kinh tế về tự chủ của các Trường Đại học công lập ở Việt Nam

Nguyễn Văn Cừ*

Bộ Giáo dục và Đào tạo, 35 Đại Cồ Việt, Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 29th tháng 04 năm 2025

Chỉnh sửa ngày 10th tháng 5 năm 2025; Chấp nhận đăng ngày 25th tháng 5 năm 2025

Tóm tắt: Tự chủ đại học là xu thế tất yếu trong quá trình đổi mới giáo dục đại học tại Việt Nam, trong đó tự chủ tài chính đóng vai trò then chốt, quyết định khả năng vận hành và phát triển bền vững của các Trường đại học công lập. Bài báo phân tích các quan điểm chủ đạo về tự chủ kinh tế, nhấn mạnh yêu cầu quyền tự chủ với trách nhiệm giải trình và minh bạch. Đồng thời, bài viết định hướng việc mở rộng quyền tự chủ tài chính, trao quyền quản lý, khai thác tài sản cho nhà trường, đồng thời thiết lập cơ chế kiểm soát phù hợp. Trên cơ sở đó, bài báo đề xuất các yêu cầu cấp thiết trong việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật, bao gồm sửa đổi Luật Giáo dục đại học, thiết lập cơ chế huy động và sử dụng nguồn lực tài chính và cải tiến hệ thống giám sát tài chính trong bối cảnh tự chủ. Những đề xuất này nhằm bảo đảm tính thực chất, hiệu quả và công bằng trong tiến trình thúc đẩy tự chủ đại học tại Việt Nam.

Từ khóa: Tự chủ đại học, pháp luật kinh tế, tự chủ tài chính, trường đại học công lập, Việt Nam.

1. Đặt vấn đề

Pháp luật kinh tế là tổng hợp các quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực pháp luật kinh tế do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận nhằm điều chỉnh các mối quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình các trường đại học tiến hành tự chủ. Pháp luật kinh tế về tự chủ đại học (TCHĐH) có bản chất pháp lý là một cơ chế pháp luật đặc thù của nền kinh tế công, trong đó các trường đại học công lập được trao quyền tương đối về tài chính, tổ chức và nhân sự, nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực công, thúc đẩy chất lượng đào tạo, song song với việc đảm bảo trách nhiệm công và tuân thủ pháp luật. Bản chất này phản ánh sự dung hòa giữa tính tự chủ - trách nhiệm - điều tiết pháp luật trong khuôn khổ quản lý nhà nước hiện nay. Đặc biệt đối với các trường đại học công lập (TĐHCL), tự chủ không chỉ là đòi

hỏi của thực tiễn phát triển mà còn là yêu cầu cấp bách từ chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước.

Thực hiện tự chủ đại học, các TĐHCL có cơ hội chủ động trong tổ chức bộ máy, tài chính, nhân sự và hoạt động học thuật, đồng thời phải gắn liền với trách nhiệm giải trình, bảo đảm chất lượng giáo dục và tính minh bạch trong quản lý. Tự chủ thực chất sẽ giúp các trường chuyển mình mạnh mẽ, phát triển bền vững trong môi trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt, qua đó đóng góp tích cực vào sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước.

Tuy nhiên, thực tiễn triển khai tự chủ tại các TĐHCL thời gian qua cũng bộc lộ nhiều bất cập, đặc biệt trong khuôn khổ pháp luật kinh tế hiện hành. Một số quy định còn thiếu đồng bộ, chồng chéo; cơ chế giám sát, kiểm định chất lượng chưa chặt chẽ; trách nhiệm giải trình chưa được thực

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: nvcu@moet.gov.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4768>

hiện đầy đủ. Trong bối cảnh đó, việc nghiên cứu, hoàn thiện pháp luật kinh tế về tự chủ của các TĐHCL trở thành nhiệm vụ cấp thiết, nhằm thể chế hóa đầy đủ chủ trương của Đảng và Nhà nước, bảo đảm hành lang pháp lý vững chắc cho quá trình tự chủ, đồng thời đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục đại học trong kỷ nguyên mới.

Bài viết này tập trung phân tích các quan điểm, định hướng và giải pháp cần thiết để hoàn thiện pháp luật kinh tế về tự chủ của các trường đại học công lập ở Việt Nam. Qua đó, góp phần định hình cơ sở lý luận và thực tiễn cho quá trình đổi mới mạnh mẽ hệ thống giáo dục đại học nước ta trong thời gian tới.

2. Quan điểm hoàn thiện pháp luật kinh tế về tự chủ của các trường đại học công lập ở Việt Nam

Thứ nhất, cần đảm bảo sự nhất quán giữa các quan điểm, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước đối với thực hiện quyền tự chủ của các TĐHCL. Đây là quan điểm xuyên suốt một số Nghị quyết lớn của Đảng về chỉ đạo thực hiện cơ chế TĐH ở Việt Nam. Trước hết, về xác định nhiệm vụ quan trọng của các TĐHCL trong thực hiện TĐH, Nghị quyết số 29-NQ/TW của Đảng (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 29) đã chỉ rõ: “Đổi mới căn bản công tác quản lý giáo dục, đào tạo, đảm bảo dân chủ, thống nhất, tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục, đào tạo; coi trọng quản lý chất lượng... Phân định công tác quản lý nhà nước với quản trị của cơ sở giáo dục và đào tạo. Đẩy mạnh phân cấp, nâng cao trách nhiệm, tạo động lực và tính chủ động, sáng tạo của các cơ sở giáo dục, đào tạo [1].

Chủ trương lớn và nhất quán này có ý nghĩa đặt nền tảng chính sách, cơ chế giáo dục cho nhiệm vụ và giải pháp quản lý nhà nước (QLNN) về giáo dục đại học (GDĐH) trong điều kiện TĐH, đồng thời xác định vị trí, vai trò của các TĐHCL trong mối quan hệ phân cấp, phân quyền với các cơ quan QLNN.

Cùng với Nghị quyết số 29-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 “Về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng

cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập” của Đảng (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 19) đã chỉ đạo rõ việc xác định nhiệm vụ trọng tâm, trước mắt và lâu dài của các cơ quan QLNN về GDĐH cũng như các TĐHCL là phải: “Thực hiện quyết liệt, đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra trong quá trình đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, gắn với đổi mới hệ thống chính trị và cải cách hành chính, đồng thời có lộ trình và bước đi phù hợp, có trọng tâm, trọng điểm; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, tổng kết thực tiễn để kịp thời bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách. Đồng thời, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm toàn diện về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, phát huy vai trò giám sát của người dân trong quá trình đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập [2].

Nghị quyết số 29 và Nghị quyết số 19 đều tập trung vào vấn đề trọng tâm là đổi mới, tăng cường năng lực của hệ thống tổ chức và năng lực quản lý, quản trị đơn vị sự nghiệp công lập, bởi đó là yếu tố mang tính quyết định đến chất lượng, hiệu quả các mặt TĐH khác của các cơ sở GDĐH. Thực tiễn thời gian qua tại các TĐHCL đã cho thấy, vấn đề năng lực hệ thống là một trong số điểm yếu chung của hệ thống GDĐH công lập. Vì vậy, Nghị quyết số 19 đã định hướng đúng và trúng đề các TĐHCL thực sự có chuyển biến tích cực trong thực hiện tự chủ về tổ chức.

Thứ hai, việc thực hiện pháp luật kinh tế về TĐH của các TĐHCL làm động lực cho các trường hiện thực hoá thành công mục tiêu cải cách GDĐH và hội nhập quốc tế trong kỷ nguyên mới.

“Kỷ nguyên mới” hàm chỉ một giai đoạn lịch sử mới, đánh dấu bởi những sự kiện hoặc thay đổi quan trọng có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của xã hội. Trong bối cảnh Việt Nam, kỷ nguyên mới thường được hiểu là thời kỳ phát triển mới của đất nước, với những mục tiêu và nhiệm vụ chiến lược mới nhằm thúc đẩy sự tiến

bộ và thịnh vượng [4]. Kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình thể hiện sự chuyển động mạnh mẽ, dứt khoát, quyết liệt, tích cực, nỗ lực, nội lực, tự tin để đất nước vượt qua thách thức, vượt qua chính mình, thực hiện khát vọng, vươn tới mục tiêu, đạt được những thành tựu vĩ đại [5]. Trong lĩnh vực giáo dục và khoa học công nghệ, kỷ nguyên mới đòi hỏi đầu tư vào giáo dục và khoa học công nghệ là nền tảng để Việt Nam phát triển bền vững và cạnh tranh trên trường quốc tế. Những vấn đề như Cách mạng công nghiệp 4.0, chuyển đổi số, kinh tế tri thức và toàn cầu hoá sẽ là những nội dung ảnh hưởng mạnh mẽ tới giáo dục nói chung, giáo dục đại học nói riêng trong kỷ nguyên mới.

Như vậy, vấn đề bảo đảm hiệu quả tự chủ của các TĐHCL hiện nay được thực hiện trên cơ sở yêu cầu hiện thực hóa mục tiêu phát triển giáo dục đại học Việt Nam trong thời kỳ Cách mạng công nghiệp 4.0. Cốt lõi của chuyển đổi số trong giáo dục đại học là nâng cao năng lực của các cơ sở giáo dục đại học trong việc thích ứng và đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế số và xã hội tri thức. Điều này thể hiện qua việc đào tạo và cung cấp cho thị trường lao động nguồn nhân lực chất lượng cao, không chỉ có tri thức chuyên môn mà còn sở hữu các năng lực cốt lõi của công dân toàn cầu trong thế kỷ XXI. Đó là năng lực học tập suốt đời, tư duy phản biện, sáng tạo, khả năng thích ứng với môi trường số hóa và đa văn hóa, cũng như năng lực giải quyết các vấn đề phức tạp trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số ngày càng sâu rộng. Mặt khác, chuyển đổi số còn thúc đẩy sự thay đổi trong phương pháp giảng dạy, quản trị, nghiên cứu khoa học trong đội ngũ giảng viên, nhân viên của chính các TĐHCL. Cùng với đó, kinh tế tri thức và đổi mới sáng tạo yêu cầu các TĐHCL trở thành trung tâm sáng tạo, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu ứng dụng, khởi nghiệp. Bối cảnh toàn cầu hóa giáo dục còn yêu cầu các TĐHCL cần năng động hơn trong hợp tác quốc tế, cạnh tranh chất lượng.

Để hiện thực hóa mục tiêu cung ứng nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển của nền kinh tế tri thức và chuyển đổi số, mô hình tự chủ của các cơ sở giáo dục đại học công lập phải được thiết kế và vận hành theo

hướng "mô hình quản trị thông minh và kết nối mở". Theo đó, các cơ sở này cần thiết lập mối quan hệ đối tác chiến lược, bền vững và linh hoạt giữa ba chủ thể trụ cột của hệ sinh thái đổi mới giáo dục đại học, bao gồm: Nhà trường - Nhà nước - Doanh nghiệp. Cơ chế liên kết này không chỉ bảo đảm tính thực tiễn của hoạt động đào tạo, mà còn tối ưu hóa lợi ích kinh tế - xã hội của các bên liên quan, thông qua việc đưa sản phẩm đào tạo đến gần hơn với yêu cầu thực tế của thị trường lao động và nền kinh tế quốc dân. Về phương diện pháp luật, việc trao quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục đại học công lập phải được thiết lập trên cơ sở pháp lý rõ ràng, thống nhất và đồng bộ, bảo đảm hài hòa giữa quyền tự chủ của nhà trường với vai trò quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo. Pháp luật về TCĐH, xét về bản chất, chính là một bộ phận của pháp luật kinh tế trong lĩnh vực giáo dục, điều chỉnh các mối quan hệ kinh tế - xã hội phát sinh từ hoạt động tổ chức và vận hành của các cơ sở giáo dục đại học công lập với tư cách là chủ thể cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước. Do đó, hành lang pháp lý về TCĐH phải vừa bảo đảm nguyên tắc tự chủ gắn với tự chịu trách nhiệm, vừa tạo điều kiện pháp lý để các cơ sở này vận hành theo cơ chế quản trị hiện đại, hội nhập quốc tế và đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Thứ ba, bảo đảm thực hiện pháp luật kinh tế về tự chủ của các TĐHCL đi đôi với thực thi trách nhiệm giải trình, của cả chủ thể QLNN về GDĐH và chính TĐHCL. Thực hiện TCĐH và thực thi trách nhiệm giải trình các vấn đề liên quan đến tài chính, tài sản và hoạt động,... vừa là quyền, vừa là nghĩa vụ của TĐHCL trong mối quan hệ với cơ quan QLNN về GDĐH. Việc thực thi các quyết định liên quan đến tự chủ của TĐHCL luôn phải trên cơ sở đảm bảo sự công khai, dân chủ, minh bạch hóa từ nội dung đến quy trình, phương thức vận hành hệ thống QLNN về GDĐH và quản trị, quản lý nhà trường, nhất là tuân thủ sự thượng tôn pháp luật trong các chính sách, quyết định của cả nhà nước và tổ chức nhà trường. Sự rõ ràng, dân chủ cùng với một cơ chế mở, phù hợp về tổ chức và hoạt

động của hệ thống quản trị, quản lý chính là nền tảng quan trọng để TĐHCL có thể công khai, minh bạch việc sử dụng nguồn lực trong phát triển tổ chức đến mọi chủ thể liên quan khi có yêu cầu chính thức và phù hợp quy định pháp luật.

Ngoài ra, thực hiện tự chủ gắn với thực hiện trách nhiệm giải trình cũng được xác định vừa là thuộc tính vốn có của TĐHCL trong cơ chế TCĐH, vừa là nghĩa vụ của TĐHCL trước chủ thể QLNN về GDDH. Bên cạnh trách nhiệm này của TĐHCL, sự minh bạch, dân chủ và trách nhiệm xã hội của Nhà nước đối với hiệu lực, hiệu quả tự chủ của TĐHCL cũng cần được đặt ra và đảm bảo thực hiện. Đây phải là quan điểm được quán triệt chung trong triển khai thực hiện tự chủ của TĐHCL trên thực tế cũng như trong chỉ đạo và quản lý của bộ chủ quản đối với TĐHCL.

3. Định hướng hoàn thiện pháp luật kinh tế về tự chủ của các trường đại học công lập ở Việt Nam

TCĐH là xu hướng tất yếu trong quá trình phát triển GDDH tại Việt Nam, đặc biệt đối với các TĐHCL [6]. Để đảm bảo quyền tự chủ đi đôi với trách nhiệm và hiệu quả, việc hoàn thiện pháp luật kinh tế về tự chủ của các TĐHCL cần đảm bảo các định hướng sau:

Thứ nhất, hoàn thiện pháp luật kinh tế về tự chủ của các TĐHCL là việc thể chế hoá được các chủ trương, định hướng phát triển đại học. Vấn đề TCĐH đã được xác định trong nhiều văn kiện quan trọng của Nhà nước như Nghị quyết số 29, Nghị quyết số 19 nêu trên. Ngoài ra, Chiến lược Phát triển giáo dục đại học giai đoạn 2021 - 2030 cũng đặt mục tiêu xây dựng hệ thống giáo dục đại học tự chủ, linh hoạt và hội nhập quốc tế [14]. Như vậy, để thể chế hoá các chủ trương, định hướng, quan điểm về TCĐH, pháp luật kinh tế về TCĐH cần đảm bảo trao quyền tự chủ thực chất về tổ chức, học thuật, tài chính, nhân sự cho các TĐHCL, tăng cường TNGT nhằm đảm bảo minh bạch, hiệu quả và không thương mại hoá giáo dục [15]. Đồng thời, cần xây dựng cơ chế

giám sát chặt chẽ để đảm bảo tự chủ không đồng nghĩa với buông lỏng quản lý [16].

Thêm vào đó, các quy định của pháp luật kinh tế về tự chủ của TĐHCL phải được hoàn thiện nhằm bảo đảm quyền tự chủ thực chất của các trường, hạn chế sự can thiệp hành chính không cần thiết từ các cơ quan quản lý nhà nước [17]. Ngoài ra, việc hoàn thiện pháp luật cũng cần thực hiện theo hướng tăng cường quyền tự quyết của các trường về mô hình quản trị, tuyển sinh và đào tạo.

Thứ hai, hoàn thiện pháp luật kinh tế về tự chủ của các TĐHCL theo hướng tăng cường quyền tự chủ đi kèm với tăng cường trách nhiệm giải trình của các trường [18]. Để thực hiện được định hướng này, các quy định của pháp luật cần xác định rõ quyền tự chủ của TĐHCL trong việc huy động, quản lý, sử dụng các nguồn tài chính; tạo điều kiện pháp lý để các trường được quyền chủ động sử dụng và khai thác tài sản công nhằm tăng cường nguồn thu; tăng cường quyền tự quyết của các trường trong mô hình quản trị, tuyển sinh và đào tạo; đổi mới cơ chế quản lý và phát triển nguồn nhân lực. Bên cạnh đó, các quy định của pháp luật kinh tế đối với tự chủ của các TĐHCL cũng cần được hoàn thiện theo hướng tăng cường các quy định củng cố cơ chế giám sát nội bộ và bên ngoài chặt chẽ nhằm đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong quá trình các trường thực hiện quyền tự chủ.

Thứ ba, hoàn thiện pháp luật kinh tế về tự chủ của các TĐHCL gắn với yêu cầu của kỷ nguyên mới. Trong bối cảnh kỷ nguyên mới với toàn cầu hoá, chuyển đổi số, kinh tế tri thức và Cách mạng công nghiệp 4.0, việc hoàn thiện pháp luật kinh tế về TCĐH không chỉ dừng lại ở cơ chế tài chính hay quyền tự chủ quản trị, mà còn phải hướng tới đáp ứng yêu cầu của đổi mới sáng tạo, hội nhập quốc tế, phát triển bền vững và thích ứng linh hoạt [2]. Như vậy, các định hướng hoàn thiện pháp luật kinh tế về TCĐH trong kỷ nguyên mới cần tập trung vào một số trụ cột như sau:

Một là, tăng cường tự chủ tài chính. Yếu tố tài chính là nền tảng để các trường thực hiện các khía cạnh khác của quyền tự chủ. Do đó, việc xây dựng cơ chế tài chính linh hoạt, bền vững là định

hướng quan trọng trong việc hoàn thiện pháp luật kinh tế về tự chủ của các TĐHCL. Mặt khác, yếu tố tài chính còn được tiếp cận dưới góc độ người học với xu hướng xây dựng cơ chế học phí linh hoạt, gắn với hỗ trợ sinh viên yếu thế [19].

Hai là, hoàn thiện pháp luật kinh tế về TCĐH theo hướng chuyển đổi số là xu hướng tất yếu, giúp các trường nâng cao năng lực cạnh tranh, tối ưu hoá quản trị và mở rộng cơ hội học tập cho người học. Gắn với định hướng chuyển đổi số, cần thiết nghiên cứu để xây dựng quy định cho đại học số nhằm làm giảm chi phí vận hành và mở ra cơ hội học tập bình đẳng, linh hoạt cho mọi đối tượng học viên [20]. Bên cạnh đó, cơ chế tài chính, quản lý nhân sự cũng cần được hoàn thiện đáp ứng yêu cầu của chuyển đổi số, phù hợp với môi trường trường đại học số.

Ba là, thúc đẩy hợp tác quốc tế và hội nhập giáo dục toàn cầu [21]. Trụ cột này định hướng cho việc xây dựng, hoàn thiện các quy định pháp luật có tính linh hoạt, thu hút, tạo điều kiện cho các TĐHCL hợp tác với các trường quốc tế, có chính sách thu hút giảng viên, chuyên viên quốc tế giảng dạy ở Việt Nam, tạo điều kiện cho sinh viên Việt Nam tiếp cận các khoá học quốc tế qua nền tảng số, công nhận chứng chỉ quốc tế. Mặt khác, các quy định của pháp luật cần được sửa đổi, bổ sung nhằm thực hiện chính sách thu hút đầu tư nước ngoài vào GDĐH.

Để giải quyết các trụ cột trên, pháp luật kinh tế về tự chủ của các TĐHCL cần gắn với bối cảnh chuyển đổi số, đáp ứng yêu cầu của kỷ nguyên mới phải được hoàn thiện nhằm tạo dựng hành lang pháp lý cụ thể cho đại học số với những sự điều chỉnh pháp luật cụ thể nhằm công nhận giá trị của bằng cấp số, chứng chỉ điện tử, giúp sinh viên dễ dàng sử dụng trong nước và quốc tế; hợp thức hoá mô hình đào tạo trực tuyến, học tập kết hợp (hybrid learning), cho phép các trường kết hợp giảng dạy truyền thống và số hoá; quy định tiêu chuẩn kiểm định chất lượng đào tạo trực tuyến, tránh tình trạng “bùng nổ” đại học số nhưng chất lượng không đảm bảo. Cùng với đó, để khuyến khích các TĐHCL vận động đáp ứng “cuộc đua” của cách mạng công nghệ, pháp luật kinh tế về TCĐH cần xây dựng cơ chế ưu đãi, hỗ trợ về tài chính như ưu đãi thuế

cho các trường đầu tư vào nền tảng công nghệ số, công nghệ giảng dạy, dữ liệu lớn; hỗ trợ ngân sách cho các TĐHCL trong giai đoạn đầu chuyển đổi số, đặc biệt là những trường có ít nguồn lực tài chính; tạo quỹ nghiên cứu và phát triển công nghệ trong giáo dục, khuyến khích các trường sáng tạo mô hình đào tạo thông minh, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối (blockchain) vào quản lý giáo dục,... Bên cạnh việc hoàn thiện pháp luật về tài chính nhằm thúc đẩy các TĐHCL tăng cường, thuận lợi chuyển đổi số, pháp luật kinh tế còn cần phải hoàn thiện một cách tổng thể các quy định về quản lý nhân sự, quản lý tổ chức,... góp phần tạo ra hệ thống pháp luật đồng bộ điều chỉnh đối với cơ chế tự chủ của các TĐHCL trong bối cảnh mới với nhiều thách thức, khó khăn.

Thứ tư, hoàn thiện pháp luật kinh tế về tự chủ của các TĐHCL hướng tới việc bảo đảm thực hiện một cách hiệu quả trên thực tiễn về quyền tự chủ của các TĐHCL, cụ thể:

Một là, việc thực hiện tự chủ của TĐHCL phải thực chất và hiệu quả. Sự thực chất về mức độ, nội dung và sự hiệu quả trong quản trị, vận hành bộ máy tổ chức nhà trường tùy thuộc rất nhiều vào tư duy hành động và năng lực nội tại của từng trường để nắm bắt, khai thác và tận dụng cơ hội, điều kiện khách quan, chủ quan sẵn có. Từng TĐHCL phải chủ động thay đổi, sắp xếp, củng cố, kiện toàn lại tổ chức bộ máy, tạo nền tảng cho việc thiết lập một hệ thống quản trị, quản lý đại học hiện đại, tiên tiến, phù hợp để thực hiện tự chủ [22]. Đó là kết quả của quá trình từng trường chủ động nghiên cứu, tìm tòi và ứng dụng mô hình quản trị, quản lý phù hợp, bởi mỗi nhóm trường thuộc về một phân khúc thị trường GDĐH riêng, cần có lựa chọn và điều chỉnh riêng phù hợp. Khi TCĐH không hiệu quả, dẫn tới chất lượng giáo dục đào tạo kém sẽ có thể dẫn tới khả năng nhà trường buộc phải rời khỏi thị trường đào tạo đại học, thậm chí dẫn tới hệ quả có thể phải giải thể một phần hoặc toàn bộ cơ sở GDĐH công lập, vì QLNN theo cơ chế thị trường không cho phép Nhà nước tiếp tục duy trì việc bao cấp cho những TĐHCL yếu kém, hoạt động không hiệu quả [23].

Hai là, việc thực hiện tự chủ phải đi đôi với

đổi mới căn bản, toàn diện mô hình và phương thức quản trị đại học trong nhà trường. Định hướng này được hiểu là việc chuyển đổi tư duy quản trị và quản lý TĐHCL gắn với thực tiễn cuộc sống gắn với nhu cầu xã hội để cung cấp nguồn nhân lực phù hợp với thị trường lao động và việc làm trong thế kỷ XXI [24]. Hiện có những lựa chọn khác nhau về tư duy và mô hình quản trị đại học, ví dụ như lựa chọn tư duy doanh nghiệp trong quản trị đại học [25]. Đây là lựa chọn có thể tạo dựng cho TĐHCL nền tảng thể chế, văn hóa và hệ thống quản trị vừa có tính chất đại học, vừa có tính chất mở, năng động, sáng tạo, linh hoạt của tổ chức dịch vụ công, hoạt động trong thị trường dịch vụ GDĐH. Nó vừa đảm bảo sự độc lập tương đối của một cơ sở GDĐH công lập, vừa đạt được sự tương thích với thị trường dịch vụ GDĐH và mang lại giá trị tích cực cho xã hội. Khi có sự tương hợp nhất định giữa TĐHCL với doanh nghiệp và các thực thể tham gia nền kinh tế thị trường thì sự tác động, hỗ trợ ngược lại từ phía thị trường cho TĐHCL có thể bù đắp lại những khoảng trống về tài chính khi mà Nhà nước cắt giảm cung cấp tài chính cho TĐHCL. Đây là yêu cầu để TĐHCL nâng cao hơn năng lực tự chủ tài chính với ý nghĩa là công cụ và điều kiện đảm bảo để thực hiện tự chủ về tổ chức một cách thực chất. Đứng ở vị trí giữa Nhà nước và thị trường dịch vụ GDĐH, thực hiện tự chủ làm cho TĐHCL trở thành cầu nối quan trọng để đạt được hệ thống dịch vụ công về GDĐH thân thiện/tương thích với thị trường (doanh nghiệp và người dân). Áp dụng tư duy doanh nghiệp trong quản trị TĐHCL là hướng đi đã được áp dụng khá phổ biến ở nhiều trường đại học tự chủ cao trên thế giới, nhằm mang lại đổi mới thực chất đối với hệ thống tổ chức TĐHCL. Việc lựa chọn tư duy doanh nghiệp với hàm ý hướng đến xây dựng và phát triển TĐHCL đảm bảo chất lượng nguồn nhân lực được đào tạo có khả năng áp ứng yêu cầu xã hội; giải quyết bài toán về chi phí đào tạo cho các TĐHCL; hỗ trợ công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ ở TĐHCL; tạo cơ hội để các TĐHCL liên kết và hội nhập quốc tế; thực hiện trách nhiệm xã hội của TĐHCL; hướng đến mục tiêu cá nhân khởi nghiệp và quốc gia khởi nghiệp.

Ba là, thực hiện tự chủ đối với TĐHCL phải trên cơ sở vận dụng có chọn lọc kinh nghiệm trong nước và quốc tế về TCĐH, phù hợp với điều kiện cụ thể của từng trường. Đây là định hướng được tiếp cận từ góc độ phát triển, vì trên bình diện hội nhập quốc tế về GDĐH, nhiều TĐHCL của Việt Nam đang triển khai thực hiện toàn diện TCĐH nên nhiều kinh nghiệm có giá trị từ các quốc gia thành công về TCĐH sẽ được các TĐHCL Việt Nam khai thác, tận dụng [26]. Ví dụ, ở nhiều nước châu Âu đang cho thấy kinh nghiệm của quản trị nội bộ trường đại học (TĐH) theo xu hướng chính là củng cố cơ sở GDĐH như là các tổ chức được tích hợp tốt hơn, chứ không phải là một hệ thống các khoa, đơn vị thành viên được ghép nối lỏng lẻo với sự lãnh đạo yếu kém ở trung tâm (cấp trường đại học - university), điều kiện làm việc chuẩn hóa hơn, các cấu trúc quản lý mạnh mẽ được thiết lập. Bên cạnh đó, kinh nghiệm từ nhiều quốc gia châu Âu là gia tăng sự tham gia của các bên liên quan vào các cấu trúc quản trị TĐH, vừa với vai trò tư vấn, vừa với vai trò đầy đủ trong quá trình ra quyết định [27].

Một kinh nghiệm quốc tế khác cần được các TĐHCL Việt Nam nghiên cứu, đánh giá để nhận diện khả năng áp dụng, đó là lựa chọn nhân sự cho các vị trí quản trị, quản lý. Một thực tế mà nhiều nước châu Âu đã rút ra là trong bối cảnh phát triển GDĐH hiện nay, quản lý trường đại học không thể là công việc thứ hai được thực hiện song song cùng với nhiệm vụ của giảng viên. Để mang lại hiệu quả và chất lượng thực chất cho công việc quản trị, quản lý nhà trường thì cần đến nhân sự thực hiện hoạt động này một cách toàn thời gian và với năng lực đặc biệt, tức phải do những nhân sự được đào tạo bài bản về chuyên môn, kỹ năng quản trị, quản lý TĐH trong điều kiện thực hiện TCĐH.

Hay như kinh nghiệm từ hệ thống GDĐH của Thái Lan cũng có giá trị tham khảo tốt đối với các TĐHCL Việt Nam. Đó là việc lường trước mặt trái của HĐT, thiết chế quản trị TĐH trong vai trò ra chính sách lớn cho hoạt động của nhà trường có thể tiềm ẩn nguy cơ xảy ra tham nhũng chính sách, gây ảnh hưởng đến lợi ích của các bên liên quan trong TĐHCL [28].

Còn ở bình diện trong nước, kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn thí điểm thực hiện TĐHCL đối với 23 TĐHCL hoạt động theo cơ chế của Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24/10/2014 của Chính phủ về thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập giai đoạn 2014 - 2017 cần được các TĐHCL nghiên cứu học tập những cách làm hay, hiệu quả cũng như nhận diện, nắm bắt các bất cập, hạn chế để tránh lặp lại trong thực tiễn triển khai tại các trường [29]. Ví dụ như kinh nghiệm của Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh thì những nội dung liên quan đến tự chủ về tổ chức mà trường này quan tâm thực hiện đó là đầu tư để xây dựng triết lý giáo dục, xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng, kiểm định chất lượng, tận dụng mọi nguồn lực để tự chủ [30].

4. Giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật kinh tế về tự chủ của các trường đại học công lập ở Việt Nam

Thứ nhất, sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật nhằm đảm bảo sự thống nhất trong việc giao quyền tự chủ xác định mức thu học phí của các TĐHCL tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển mà không bị ràng buộc bởi trần học phí [31]. Nếu vẫn áp dụng trần học phí, cần có cơ chế đặc thù cho nhóm trường này, như quy định một khung trần riêng hoặc cho phép trường tự chủ vượt trần nếu đảm bảo minh bạch tài chính và chất lượng đào tạo. Ngoài ra, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần xây dựng khung học phí đa dạng, linh hoạt gắn với kết quả kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn trong nước và nước ngoài, đồng thời bỏ quy định định mức trần học phí. Cùng với việc mở rộng quyền tự chủ về mức thu học phí cho các TĐHCL, chính sách hỗ trợ tài chính sinh viên cần được thiết kế lại bảo đảm mức vay hoặc hỗ trợ tài chính cho sinh viên đủ chi trả học phí, chi phí sinh hoạt học tập.

TĐHCL, đặc biệt là trường được địa phương quyết định mức giá cụ thể cho từng loại dịch vụ, đảm bảo trong phạm vi khung giá, mức giá dịch vụ sự nghiệp công do cơ quan nhà nước có thẩm

quyền quy định. Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định cụ thể giá dịch vụ sự nghiệp công, đơn vị sự nghiệp công thực hiện thu theo mức giá quy định.

Tuy nhiên, để có cơ sở cho Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về giá dịch vụ công đối với nhà trường, trên cơ sở quy định của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, nhà trường cần xây dựng từ đó tham mưu với UBND tỉnh về giá dịch vụ công đối với từng chương trình cho phù hợp, trong đó có tính đến: chi phí tiền lương, chi phí vật tư, chi phí quản lý, chi phí tuyển sinh, chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho công tác quản lý: hồ sơ, bằng, thẻ học viên... chi phí hội nghị, tiếp khách, công tác phí, tàu xe, khoản chi cho lao động nữ, nghiên cứu, đào tạo, chi nộp phí tham gia tập huấn và chi phí hợp lý khác; chi phí khấu hao/hao mòn tài sản cố định (tích lũy đầu tư), lệ phí môn bài và các khoản phí, lệ phí khác, chi phí, quỹ khác.

Trên cơ sở giá dịch vụ công, sẽ tính mức thu học phí của sinh viên đối với từng ngành học. Trong đó, học phí là khoản tiền mà người học phải nộp để chi trả một phần hoặc toàn bộ chi phí của dịch vụ giáo dục, đào tạo. Học phí được xác định theo cơ chế giá dịch vụ và lộ trình tính đủ chi phí dịch vụ giáo dục, đào tạo

Thứ hai, giải pháp hoàn thiện pháp luật quy định về nguồn thu từ ngân sách nhà nước (NSNN) của các trường đại học công lập.

Một là, bổ sung vào Điểm c Khoản 1 Điều 11, và Điểm d Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP nguồn NSNN giao cho nhiệm vụ thực hiện các chương trình, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đồng thời, bổ sung vào Điều 19 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP nguồn NSNN cấp cho các TĐHCL tự chủ nhóm 4 khi thực hiện các hoạt động dịch vụ sự nghiệp công trong danh mục dịch vụ sự nghiệp công được sử dụng NSNN [32].

Hai là, các cơ quan có thẩm quyền cần nghiên cứu để thiết kế cơ chế chính sách phân bổ nguồn NSNN cho các TĐHCL một cách hợp lý. Cơ chế phân bổ NSNN cho các TĐHCL cần theo hướng giảm dần NSNN cho chi thường xuyên, tiến tới các TĐHCL tự bảo đảm kinh phí chi thường

xuyên. Khi đó, NSNN tập trung đầu tư cơ sở vật chất cho các TĐHCL và thực hiện chính sách hỗ trợ cho các đối tượng sinh viên diện chính sách, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ GDĐH ở các ngành ít hấp dẫn nhưng cần thiết cho sự phát triển kinh tế - xã hội [33].

Theo kinh nghiệm quốc tế, hiện nay ở các TĐHCL trong khối Liên minh Châu Âu (EU) hay một số quốc gia như: Hàn Quốc, Nhật Bản,... đều nhận được nguồn ngân sách cơ bản từ chính phủ dưới hình thức gói tài trợ. Điều này khắc phục được tình trạng đầu tư bình quân, dàn trải, thiếu khoa học, mất hiệu quả ở Việt Nam hiện nay. Do vậy, Chính phủ cần xây dựng cơ chế phân bổ NSNN theo hình thức gói tài trợ dựa trên nền tảng đánh giá kết quả hoạt động đào tạo và nghiên cứu cụ thể hàng năm của trường đại học (ĐH) (các tiêu chí đánh giá có thể là: tỉ lệ tiến sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu, số bài báo công bố quốc tế và trích dẫn từ giảng viên và nghiên cứu sinh, số nghiên cứu được chuyển giao cho các ngành kinh tế và địa phương, số chuyên ngành đào tạo được kiểm định, tài trợ khuyến khích bổ sung cho các quỹ nghiên cứu huy động từ các doanh nghiệp tư nhân và các tổ chức quốc tế). Đồng thời, Chính phủ cần có gói tài trợ hướng đến các trường đại học được cho phép tự chủ hoàn toàn, cụ thể là phải tập trung vào các lĩnh vực, như: 1) Các phòng thí nghiệm có khả năng tiếp cận nghiên cứu đẳng cấp quốc tế; 2) Thu hút sinh viên và học giả quốc tế phát triển nghiên cứu; 3) Cơ chế tài trợ nghiên cứu khoa học cho các trường đại học; 4) Nguồn tài trợ cho các tạp chí học thuật phát triển hệ thống xếp hạng quốc tế; 5) Nguồn tài trợ nghiên cứu công bố quốc tế và nghiên cứu chuyển giao gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội.

Thứ ba, bổ sung các quy định nhằm mở rộng, đa dạng hóa nguồn thu tài chính ngoài nguồn học phí và NSNN bằng cách nghiên cứu tìm kiếm, khai thác và phát triển các hoạt động sự nghiệp nhằm gia tăng nguồn thu cho TĐHCL thông qua các hoạt động hợp pháp như: tiếp cận các nguồn viện trợ, tài trợ trong và ngoài nước; huy động nguồn tài trợ khác từ bên ngoài theo hình thức quỹ từ thiện, ủng hộ hoặc học bổng cho các sinh viên xuất sắc; đẩy mạnh các hoạt động hợp tác

để tạo nguồn thu từ sự đóng góp trên cơ sở nâng cao chất lượng dịch vụ, thực hiện cơ chế giá dịch vụ, tăng cường liên kết, thúc đẩy hợp tác công tư và đẩy mạnh hợp tác quốc tế với các đối tác có cùng lĩnh vực hoạt động [34]. Xây dựng cơ chế, chính sách và tổ chức nhằm huy động nguồn lực từ các tổ chức xã hội, các hiệp hội và các doanh nghiệp vào hoạt động của nhà trường [35].

Tại Trường Đại học kinh doanh Harvard (HBS), nguồn thu lớn nhất là từ nghiên cứu và xuất bản chứ không phải từ học phí. Bên cạnh đó, kinh phí nghiên cứu của các trường đại học trên thế giới phần lớn đến từ sự đóng góp của các tổ chức, cá nhân hay cựu sinh viên. Theo thống kê của Hội đồng Tiên bộ và Hỗ trợ giáo dục (CASE), số tiền tài trợ và đóng góp tự nguyện cho các trường đại học và cao đẳng tại nước Mỹ trong năm tài khóa 2021 là 52,9 tỷ USD, tăng 6,9 % so với năm 2020. Trong số những nhà tài trợ, các tổ chức đầu tư chiếm 33,1%; cựu sinh viên chiếm 23,2%; phần còn lại thuộc về các tập đoàn và cá nhân khác. Hoạt động thu hút nguồn thu của các trường đại học không dừng lại ở đó mà sự “kinh doanh” của các trường. Hệ thống ĐH Texas mỗi ngày thu khoảng 6 triệu USD từ dầu mỏ và đang trên đường vượt qua ĐH Harvard trở thành trường giàu nhất ở Mỹ. Ngoài Texas, một số trường đại học ở Mỹ cũng có những tài sản riêng. Ví dụ ĐH Emory sở hữu cổ phiếu của Coca-Cola; ĐH Northwestern có thuốc Lyrica; ĐH George Washington nắm nhiều bất động sản. Harvard thì được biết đến trong lịch sử về quản lý đầu tư và gây quỹ dài hạn - ít nhất một tỷ USD mỗi năm kể từ năm tài chính 2014 [36]. Từ những dẫn chứng trên có thể thấy, học phí không còn là nguồn thu chính để duy trì hoạt động của trường đại học. Ở Mỹ, các trường đại học được xem như một doanh nghiệp, có thể tự đầu tư, kinh doanh tạo nguồn thu duy trì hoạt động cho mình, bên cạnh những nguồn thu viện trợ từ sinh viên, cựu sinh viên, tổ chức, mạnh thường quân. Cơ chế pháp lý hiện nay của Việt Nam đang giới hạn quyền đầu tư kinh doanh của các TĐHCL. Các nguồn thu khác bị hạn chế khiến các trường phải tăng học phí để đi lên tự chủ điều đó đồng nghĩa với việc tạo nên gánh nặng cho người học và xã hội. Do vậy, Việt Nam cần một số giải

pháp tăng nguồn thu, giảm áp lực học phí.

Đối với các doanh nghiệp, là người trực tiếp sử dụng sản phẩm đào tạo, do đó nhà nước cần có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp hỗ trợ đào tạo. Các trường thông qua đào tạo bồi dưỡng nhân viên khoa học kỹ thuật và công nhân viên, tiến hành đưa kỹ thuật vào và cải tạo kỹ thuật cho doanh nghiệp, giành được một phần tiền vốn, thiết bị và học bổng mà doanh nghiệp cung cấp cho. Bản thân các chủ doanh nghiệp đều nói rằng, doanh nghiệp sẵn sàng ủng hộ tài chính cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học của các trường đại học, song tiền ủng hộ đó cần được tính vào chi phí sản xuất của doanh nghiệp và được thiết lập thành hợp đồng. Vì thế, cần sửa đổi, bổ sung quy định tài chính, tính vào chi phí và miễn trong doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho doanh nghiệp về những khoản ủng hộ các trường trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học. Bên cạnh đó, xây dựng các hình thức liên hợp giảng dạy, nghiên cứu khoa học, sản xuất và xây dựng luồng kinh phí ổn định. Sự hình thành thể liên hợp giảng dạy, nghiên cứu khoa học, sản xuất lấy các trường đại học làm hạt nhân, khiến cho sự hợp tác giữa nhà trường với doanh nghiệp trở thành nguồn thu ổn định của nhà trường.

Ngoài ra, các nguồn viện trợ từ các tổ chức xã hội hoặc các cá nhân cũng được xem như một nguồn thu đáng kể. Ở các nước phát triển, nguồn thu từ hiến tặng có thể chiếm phần lớn trong doanh thu các trường, ví dụ như quỹ Ford ở Mỹ, quỹ Công ty xe hơi đại chúng ở Liên Bang Đức,... [37]. Tuy nhiên, ở Việt Nam phần nhiều những người có tiền thường chuộc những hình thức làm từ thiện hay góp tiền cho các cơ sở tôn giáo hơn là hiến tặng cho các trường đại học. Do vậy, các quy định của pháp luật cần bổ sung thêm cơ chế khuyến khích hiến tặng, viện trợ cho các trường đại học, chẳng hạn: khấu trừ hoặc giảm thuế cho các cá nhân, doanh nghiệp, hay tổ chức khi viện trợ tài chính cho các TĐHCL.

5. Kết luận

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, chuyển đổi số và Cách mạng công nghiệp 4.0, pháp luật kinh tế

về TCDH không chỉ là công cụ pháp lý điều chỉnh hoạt động của các TĐHCL mà còn là nền tảng quyết định mức độ chủ động, sáng tạo và hiệu quả của quá trình đổi mới giáo dục đại học ở Việt Nam. Việc hoàn thiện hệ thống pháp luật này là bước đi tất yếu để thể chế hóa các chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, bảo đảm quyền tự chủ thực chất gắn với trách nhiệm giải trình, minh bạch và hiệu quả.

Pháp luật kinh tế về TCDH cần đóng vai trò mở đường cho các trường tự quyết trong tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính và học thuật, đồng thời thiết lập các cơ chế kiểm soát và giám sát phù hợp. Việc trao quyền tự chủ tài chính, quản lý tài sản, huy động và sử dụng nguồn lực phải đi kèm với các quy định rõ ràng, minh bạch về trách nhiệm xã hội, kiểm toán độc lập và công khai thông tin. Điều này không chỉ giúp các trường nâng cao năng lực cạnh tranh mà còn bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục đại học, đặc biệt đối với các nhóm yếu thế và các trường ở điều kiện khó khăn.

Bên cạnh đó, pháp luật kinh tế về TCDH cần được hoàn thiện theo hướng thích ứng với bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế, tạo hành lang pháp lý cho các mô hình đại học số, kiểm định chất lượng đào tạo trực tuyến và thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Sự đồng bộ, khả thi và khoa học của pháp luật sẽ giúp các trường đại học công lập không chỉ vận hành hiệu quả mà còn góp phần khẳng định vị thế của giáo dục đại học Việt Nam trên bản đồ tri thức toàn cầu.

Như vậy, hoàn thiện pháp luật kinh tế về TCDH không chỉ là một yêu cầu pháp lý mà còn là chìa khóa chiến lược để hiện thực hóa khát vọng phát triển nền giáo dục đại học chất lượng cao, bền vững và hội nhập, đáp ứng yêu cầu của kỷ nguyên mới.

Lời cảm ơn

Nghiên cứu này là một phần kết quả của Luận án Tiến sĩ “Tự chủ đại học tại Việt Nam dưới góc độ pháp luật kinh tế và giải pháp hoàn thiện” do NCS. Nguyễn Văn Cừ thực hiện tại Trường Đại học Luật Hà Nội.

Tài liệu tham khảo

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam, Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, 2013.
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, 2017.
- [3] Chính phủ, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 quy định về cơ chế TCTC của ĐVSNCL của Bộ Tài chính, 2021.
- [4] N. N. Hà, Khái niệm, nội hàm Kỹ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam, Tham luận tại Hội thảo khoa học quốc gia “Kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn”, do Hội đồng Khoa học các cơ quan Đảng Trung ương chủ trì, phối hợp với Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản tổ chức ngày 15/11/2024.
- [5] H. Phương, Tổng Bí thư Tô Lâm trao đổi chuyên đề “Kỷ nguyên phát triển mới - Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam”, truy cập tại địa chỉ <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/thong-tin-ly-luan/-/2018/1005102/tong-bi-thu-to-lam-trao-doi-chuyen-de-ky-nguyen-phat-trien-moi---ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc-viet-nam>.aspx, ngày (accessed on December 5th, 2024).
- [6] N. Minh, Giáo dục đại học ở Việt Nam cần phát triển phương án tự chủ có tầm nhìn, <https://tapchigiaoduc.edu.vn/article/88873/212/giao-o-duc-dai-hoc-o-viet-nam-can-phat-trien-phuong-an-tu-chu-co-tam-nhin-bai-2> (accessed on September 30th, 2024).
- [7] Thủ tướng Chính phủ, Quyết định 1705/QĐ-TTg/2024 ngày 31/12/2024 phê duyệt Chiến lược giáo dục đến 2030, tầm nhìn 2045, 2024.
- [8] Bộ Giáo dục và Đào tạo, Công văn số 2274/BGDĐT-QLCL ngày 28/5/2019 về việc đẩy mạnh công tác bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục ĐH, CĐSP, TCSP, 2019.
- [9] N. H. Cương, T. T. N. Sương, N. T. Triều, Phân tích vai trò của đơn vị chuyên trách về bảo đảm chất lượng trong các hoạt động bảo đảm và nâng cao chất lượng: Kinh nghiệm của Trường Đại học Tôn Đức Thắng, https://www.researchgate.net/publication/346932925_Phan_tich_vai_tro_cua_don_vi_chuyen_trach_ve_bao_dam_chat_luong_trong_cac_hoat_dong_bao_dam_va_nang_cao_chat_luong_Kinh_nghiem_cua_Truong_Dai_hoc_Ton_Duc_Thang, (accessed on April 19th, 2025).
- [10] D. P. Liên, 7 trường đại học đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế, <https://baochinhphu.vn/7-truong-dai-hoc-dat-tieu-chuan-chat-luong-quoc-te-102220323160436817.htm>, (accessed on April 19th, 2025).
- [11] Bộ Giáo dục và Đào tạo, Công văn số 127/NGCBQLGD-CSNGCB về việc cung cấp thông tin tài liệu chuẩn bị bài tham luận của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Hội thảo Giáo dục 2020 về tự chủ trong giáo dục đại học, từ chính sách đến thực tiễn, 2020.
- [12] Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 69/QĐ-TTg ngày 15/01/2019 Phê duyệt đề án nâng cao chất lượng hệ thống giáo dục đại học giai đoạn 2019-2025, 2019.
- [13] N. Minh, Giáo dục đại học ở Việt Nam cần phát triển phương án tự chủ có tầm nhìn, 2024, <https://tapchigiaoduc.edu.vn/article/88873/212/giao-o-duc-dai-hoc-o-viet-nam-can-phat-trien-phuong-an-tu-chu-co-tam-nhin-bai-2/>, (accessed on April 19th, 2025).
- [14] P. Nhi, Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030-tầm nhìn đến năm 2045, <https://baochinhphu.vn/chien-luoc-phat-trien-giao-duc-den-nam-2030-tam-nhin-den-nam-2045-102250102165657226.htm>, (accessed on April 19th, 2025).
- [15] Đ. Đ. Minh, Cơ chế quản trị đại học tự chủ và yêu cầu hoàn thiện pháp luật tự chủ đại học ở Việt Nam, 2018, <https://www.academia.edu/>, (accessed on April 19th, 2025).
- [16] Đ. T. P. Phi, Đổi mới quản trị đại học trên cơ sở tự chủ gắn với bảo đảm chất lượng, 2025, <https://baolongan.vn/doi-moi-quan-tri-dai-hoc-tren-co-so-tu-chu-gan-voi-bao-dam-chat-luong-a190148.html>, (accessed on April 19th, 2025).
- [17] Đ. T. Thuý, Đẩy mạnh cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập, 2021, <https://tapchitaichinh.vn/day-manh-co-che-tu-chu-tai-cac-don-vi-su-nghiep-cong-lap.html>, (accessed on April 19th, 2025).
- [18] B. A. Tuấn, v. H. Nam, C. Đ. Kiên, Quá trình tự chủ đại học tại Việt Nam - Từ thực tiễn đến nhận thức, 2023, <https://www.quanlynhanuoc.vn/2023/04/11/qua-trinh-tu-chu-dai-hoc-tai-viet-nam-tu-thuc-tien-den-nhan-thuc/> (accessed on April 11th, 2023).

- [19] L. V. Hà, V. T. Nguyễn, Quản lý tự chủ tài chính đại học: kinh nghiệm quốc tế và hàm ý chính sách cho Việt Nam, 2022, <https://kinhtevadubao.vn/quan-ly-tu-chu-tai-chinh-dai-hoc-kinh-nghiem-quoc-te-va-ham-y-chinh-sach-cho-viet-nam-22358.html>, (accessed on April 19th, 2025).
- [20] T. Huyền, Xây dựng mô hình đại học số tại Việt Nam, 2023, <https://vtcnews.vn/xay-dung-mo-hinh-dai-hoc-so-tai-viet-nam-ar829746.html>, (accessed on April 19th, 2025).
- [21] B. M. Nghĩa, Hợp tác quốc tế về giáo dục, đào tạo đại học - Chủ trương, kết quả và giải pháp tăng cường, 2024, Tạp chí Lý luận chính trị, tháng 10/2024.
- [22] N. Đ. A. Xuân, Tự chủ đại học và những vấn đề thực tiễn triển khai tại các trường đại học công lập trực thuộc Bộ Công thương, 2024, <https://tapchicongthuong.vn/tu-chu-dai-hoc-va-nhung-van-de-thuc-tien-trien-khai-tai-cac-truong-dai-hoc-cong-lap-truc-thuoc-bo-cong-thuong-125653.htm>, (accessed on April 19th, 2025).
- [23] T. Linh, Sắp xếp cơ sở giáo dục đại học công lập nên để các trường tự quyết định, 2019, <https://giaoduc.net.vn/sap-xep-co-so-giao-duc-dai-hoc-cong-lap-nen-de-cac-truong-tu-quyet-dinh-post203889.gd>, (accessed on April 19th, 2023).
- [24] T. Trang, Chuyên gia chỉ ra những vấn đề về quản trị trường đại học lập Việt Nam, 2024, <https://giaoduc.net.vn/chuyen-gia-chi-ra-nhung-van-de-ve-quan-tri-truong-dai-hoc-cong-lap-viet-nam-post245985.gd>, (accessed on November 19th, 2024).
- [25] Đ. X. Khoa, Tự chủ doanh nghiệp trong quản trị trường đại học, 2018, <https://daibieunhandan.vn/tu-duy-doanh-nghiep-trong-quan-tri-truong-dai-hoc-post121550.html>, (accessed on November 19th, 2024).
- [26] V. V. Hiền, Nhận thức và giải quyết mối quan hệ giữa độc lập tự chủ và hội nhập quốc tế, 2020, <https://tcnn.vn/news/detail/48013/Nhan-thuc-va-giai-quyet-moi-quan-he-giua-doc-lap-tu-chu-va-hoi-nhap-quoc-te.html>, (accessed on November 19th, 2024).
- [27] V. T. Hằng, N. H. Dũng, P. T. T. Hương, Kinh nghiệm quốc tế về đánh giá năng lực tự chủ, trách nhiệm giải trình của các cơ sở giáo dục đại học và những gợi mở đối với Việt Nam, 2022, <https://tcnn.vn/news/detail/54359/Kinh-nghiem-quoc-te-ve-danh-gia-nang-luc-tu-chu-trach-nhiem-giai-trinh-cua-cac-co-so-giao-duc-dai-hoc-va-nhung-goi-mo-doi-voi-Viet-Nam.html>, (accessed on November 19th, 2024).
- [28] Văn phòng Hội đồng Giáo dục - Bộ Giáo dục Thái Lan, Chiến lược và lộ trình cải cách giáo dục đại học ở Thái Lan, H. N. Vinh dịch, 2008, <https://phongdbcl.ntu.edu.vn/uploads/47/files/old/Tu%20lieu%20tham%20khao/Quan%20ly%20dai%20hoc/chien%20luoc%20cai%20cach%20gddh%20thai%20lan.pdf>, (accessed on November 19th, 2024).
- [29] N. M. Thủy, Giáo dục Việt Nam trước cơ hội và thách thức của hội nhập quốc tế, 2021, <https://clef.vn/vi/giao-duc/giao-duc-viet-nam-truoc-co-hoi-va-thach-thuc-cua-hoi-nhap-quoc-te.html>, (accessed on November 19th, 2024).
- [30] Đ. V. Dũng, Tham luận Tự chủ đại học trong thời kỳ hội nhập: Kinh nghiệm từ trường Đại học sư phạm kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh, Phiên họp Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực, tháng 11/2020.
- [31] V. Hà, N. Bảo, Tự chủ đại học: Để gánh nặng tài chính không “đề” lên người học, 2022, <https://tuoitre.vn/tu-chu-dai-hoc-de-ganh-nang-tai-chinh-khong-de-nguoi-hoc-20220805085026477.htm> (accessed on July 1st, 2024).
- [32] Chính phủ, Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế TCTC của ĐVSNCL, 2025.
- [33] H. Hạnh, Ngân sách Nhà nước chi cho giáo dục đại học mỗi năm đạt 0,8% GDP, không có đả cho khoa học bứt phá, 2023, <https://daibieunhandan.vn/ngan-sach-nha-nuoc-chi-cho-giao-duc-dai-hoc-moi-nam-dat-0-18-gdp-khong-co-da-cho-khoa-hoc-but-pha-post352342.html>, (accessed on September 1st, 2024).
- [34] Bộ Giáo dục và Đào tạo, Báo cáo Hội nghị tự chủ đại học 2022, Hà Nội, 2022.
- [35] N. Lệ, Tự chủ tài chính hiệu quả nhìn từ kinh nghiệm của Trường Đại học Công thương TP. Hồ Chí Minh, <https://giaoduc.net.vn/tu-chu-tai-chinh-hieu-qua-nhin-tu-kinh-nghiem-cua-truong-dh-cong-thuong-tphcm-post243486.gd>, (accessed on September 1st, 2024).
- [36] V. Dũng, Những lĩnh vực “hút” tài trợ khổng lồ của các đại học Mỹ, Báo Việt Namnet, <https://vietnamnet.vn/tien-tai-tro-nguon-cung-chinh-cho-cac-nghien-cuu-cua-cac-truong-dai-hoc-tren-the-gioi-2018328.html> (accessed on August 13rd, 2022).
- [37] T. T. T. Ngan, N. V. Ngữ, Kinh nghiệm một số nước về đa dạng hóa nguồn thu tài chính của các trường đại học, Tạp chí Kinh tế & Phát triển, số 176 (III), tr. 76 - 82, 2012.